

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Toàn

Bà Trần Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1982, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977, “vắng mặt”.

Đồng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2024, bản tự khai ngày 15/3/2024, trong các biên bản biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn với nhau do mai mối, rồi sau đó tìm hiểu được một năm mới tổ chức lễ cưới vào năm năm 1999. Đến ngày 14/6/2002 vợ chồng chị mới đến UBND xã C, huyện V để đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc và sinh được ba người con chung. Nhưng thời gian gần 03 năm nay, cuộc sống vợ chồng chị không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và kinh cãi do không hợp tính nhau, không cùng quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng chị sống chung trong một nhà nhưng mạnh ai người đó sống, ăn riêng, ngủ riêng, không nói chuyện, không quan tâm và lo lắng lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và chị không còn tình cảm với anh Đ nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị sinh được ba người con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 03/11/1999; Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 09/3/2005 và Nguyễn Lê Xuân T1, sinh ngày 15/7/2014. Hiện nay con Nguyễn Thị Ngọc T đã đủ tuổi trưởng thành và đã lập gia đình nên chị không yêu cầu Toà giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 09/3/2005 đã đủ tuổi trưởng thành nhưng bị bệnh đao, đang được hưởng trợ cấp xã hội do UBND xã C quản lý và con Nguyễn Lê Xuân T1, sinh ngày 15/7/2014 chưa đủ tuổi trưởng thành nên chị yêu cầu Toà giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Lê Xuân T1 và Nguyễn Xuân H1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Toà giải quyết.

Tại B các biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 và ngày 21/6/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đến ủy ban nhân dân xã C, huyện V đăng ký kết hôn ngày 14/6/2002. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc và có với nhau được 03 người con, nhưng cách đây vài năm từ khi anh Đ bị bệnh, không đi làm được, không có thu nhập nên chị H không quan tâm, lo lắng chăm sóc cho anh. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng anh chị không nói chuyện, trao đổi gì với nhau, không ăn chung, không sinh hoạt gia đình cùng nhau mà mạnh ai người đó sống. Anh Đ không chửi mắng hay đánh đập gì vợ con, chị H muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm anh không hỏi han hay quan tâm nhưng anh không biết lý do vì sao chị H yêu cầu ly hôn với anh. Anh Đ biết việc chị H làm đơn yêu cầu ly hôn với anh nhưng vì anh còn thương vợ con và không muốn ly hôn nên anh không đến Toà án để hoà giải.

Về con chung: Vợ chồng anh chị sinh được ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 03/11/1999, Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 09/3/2005 Nguyễn Lê Xuân T1, sinh ngày 15/7/2014. Anh Đ không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Anh Đ không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu gì về tài sản chung.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án; thẩm quyền thụ lý; xác định tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng của Toà án và thời hạn chuẩn bị xét xử.

- *Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc thụ lý, xét xử vụ án.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V vào ngày 14/6/2002 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu mới kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây chị H và anh Đ phát sinh mâu thuẫn và kinh cãi vì không hợp tính nhau, không cùng quan điểm sống. Từ đó, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị H, anh Đ tuy sống chung một nhà nhưng không còn nói chuyện, quan tâm, lo lắng nhau, việc của ai người đó làm. Đến nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ ly hôn.

Về phía bị đơn, anh Đ cho rằng giữa vợ chồng có mâu thuẫn, chị H không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho anh, giữa anh chị không còn nói chuyện với nhau, không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng được nhưng anh vẫn còn thương yêu vợ con, anh không muốn ly hôn. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, anh Đ không chấp hành, có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, nhận thấy mục đích hôn nhân là xây dựng hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững đã không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Chị H và anh Đ có ba người con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 03/11/1999, Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 09/3/2005 Nguyễn Lê Xuân T1, sinh ngày 15/7/2014.

Hiện tại, con chung Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 03/11/1999 đã đủ tuổi trưởng thành, lập gia đình nên chị H không yêu cầu Tòa giải quyết;

Đối với con chung Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 09/3/2005 mặc dù, anh H1 đã đủ tuổi trưởng thành nhưng bị bệnh đao và con chung Nguyễn Lê Xuân T1, sinh ngày 15/7/2014 nên chị H yêu cầu Tòa giải quyết giao hai con chung cho chị trực tiếp trông nom. Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành.

Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của cháu Đồi với Nguyễn Lê Xuân T1. Mặt khác, chị H làm công việc buôn bán nên có thu nhập ổn định để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu về mặt vật chất và tinh thần. Anh Đ không có công việc, chỉ ở nhà làm việc lặt vặt trong gia đình nên không có thu nhập gì. Do đó căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao hai con chung Nguyễn Xuân H1 và Nguyễn Lê Xuân T1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu về cấp dưỡng tiền nuôi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về phần tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định nên Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 31/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Vân Canh mở phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn đã được tòa triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Ngày 23/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Vân Canh tiến hành mở phiên tòa lần thứ hai, bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh Đ có tình yêu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định vào ngày 14/6/2002. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị sống với nhau hạnh phúc và sinh được 03 người con chung nhưng thời gian 03 năm gần đây, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng mạnh ai người đó sống và làm việc; không nói chuyện, không quan tâm, không chăm sóc hay lo lắng cho nhau nên cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc như trước nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và đến nhà làm việc anh Đ trình bày, từ khi anh bị bệnh đến nay chị H không quan tâm, chăm sóc, lo lắng gì cho anh; vợ chồng không nói chuyện hay trao đổi công việc; anh không quan tâm đến chị H đi đâu, làm gì; không đánh đập hay chửi mắng vợ con. Tuy anh Đ cho rằng, hiện nay anh vẫn còn thương yêu vợ con và không muốn ly hôn, nhưng Tòa án triệu tập anh Đ đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa anh đều không đến, chứng tỏ anh có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, dẫn đến hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh Đ sinh được ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 03/11/1999, Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 09/3/2005 Nguyễn Lê Xuân T1, sinh ngày 15/7/2014.

Đối với con chung Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 03/11/1999 đã đủ tuổi trưởng thành, lập gia đình và đang sống ở phía chồng nên chị H không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Nguyễn Xuân H1 sinh ngày 09/3/2005, tuy anh H1 đã đủ tuổi trưởng thành nhưng bị bệnh đao, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình đang được hưởng trợ cấp xã hội do UBND xã C quản lý và Nguyễn Lê Xuân T1 sinh ngày 15/7/2014. Xét thấy yêu cầu của chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu T1. Vì hiện nay anh Đ bị bệnh không đi làm, không có thu nhập nên không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung; chị H có có nguồn thu nhập ổn định từ nghề buôn bán nên giao hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi hai con chung của chị H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Khi nào có xảy ra tranh chấp về tài sản chung thì Tòa án sẽ thụ lý và giải quyết bằng vụ kiện tranh chấp khác theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc H. Chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 09/3/2005 và Nguyễn Lê Xuân T1, sinh ngày 15/7/2014 cho chị Lê Thị Ngọc H (Mẹ đẻ) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí cho chị H theo biên lai thu tiền số 0003143 ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Canh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Vinh;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Phương